

KNOWLEDGE AND PRACTICE OF EXCLUSIVE BREASTFEEDING FOR THE FIRST 6 MONTHS AND FACTORS RELATED TO THE PRACTICE AMONG MOTHERS WHO GAVE BIRTH AT DA NANG HOSPITAL FOR WOMEN AND CHILDREN IN 2023

Truong Thi Thuan*, Phan Van Tuong

University of Public Health - 1A Duc Thang, Dong Ngac, Bac Tu Liem, Hanoi, Vietnam

Received: 23/10/2023

Revised: 20/11/2023; Accepted: 25/12/2023

ABSTRACT

Objective: (1) To describe knowledge of breastfeeding and practice of exclusive breastfeeding for the first 6 months among mothers who gave birth at Da Nang hospital for women and children and (2) To analyze some factors related to the practice of exclusive breastfeeding for the first 6 months.

Methods: A cross-sectional study was conducted among 230 mothers who gave births at Da Nang hospital for women and children when their children are 6 months of age. Data were collected by direct interviews mothers at households and at Commune Health Stations from February 1, 2023 to April 30, 2023. Data was entered into Excel files and transferring to Epi Info software version 3.5.1 of the US CDC for analysis.

Results: The results showed that 66,5% of mothers had good knowledge about breastfeeding. The rate of exclusive breastfeeding for the first 6 months was 56.5%. Among women who exclusive breastfed their children for 6 months, there were 70% practicing all steps of breastfeeding correctly.

Mothers who had good knowledge of breastfeeding, breastfed their babies within the first hour after birth, took maternity leave for 6 months after giving birth, and had the support of their husbands had a higher rate of exclusively breastfeeding practice for 6 months (60,8%, 60,1%, 61,1% and 62,9%, respectively) than the corresponding groups (48.1%; 42.4%; 35.0% and 50.0%, respectively). These differences were statistically significant with OR of 1.68; 2.04; 2.91 and 1.69, respectively and $p < 0.05$.

Recommendations: Health staff need to improve health education communication activities to provide adequate knowledge of breastfeeding for mothers; support mothers to early breastfeed for newborns immediately after birth. Mother need to follow the policy of postpartum maternity leave policy and encourage the support of husbands so that mothers can have favorable environment to successfully breastfeed their children.

Keywords: Breastfeeding, practicing exclusive breastfeeding, postpartum mothers.

*Corresponding author

Email address: mph2131026@studenthuph.edu.vn

Phone number: (+84) 982 127 527

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i1.910>

KIẾN THỨC, THỰC HÀNH NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ HOÀN TOÀN TRONG 6 THÁNG ĐẦU VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HÀNH CỦA CÁC BÀ MẸ SINH CON TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN NHI, ĐÀ NẴNG NĂM 2023

Trương Thị Thuận*, Phan Văn Tường

Trường Đại học Y tế Công cộng - 1A Đức Thắng, Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 23 tháng 10 năm 2023

Chỉnh sửa ngày: 20 tháng 11 năm 2023; Ngày duyệt đăng: 25 tháng 12 năm 2023

TÓM TẮT

Mục tiêu: (1) Mô tả kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ (NCBSM) và thực hành nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu của bà mẹ sinh con tại bệnh viện Phụ sản - Nhi, Đà Nẵng và (2) Phân tích một số yếu tố liên quan đến thực hành nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu.

Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 230 bà mẹ sinh con tại Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng tại thời điểm con của họ được 6 tháng tuổi. Số liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp bà mẹ tại hộ gia đình và tại Trạm Y tế xã từ ngày 01/02/2023 đến 30/4/2023. Số liệu được nhập vào file Excel và chuyển vào phân tích trên phần mềm Epi Info phiên bản 3.5.1 của CDC Hoa Kỳ.

Kết quả: Kết quả cho thấy tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về nuôi con bằng sữa mẹ là 66,5%. Tỷ lệ bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là 56,5%. Trong số bà mẹ này, có 70% đạt các tiêu chí về thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn.

Những bà mẹ có kiến thức đạt về NCBSM, cho trẻ bú sớm trong vòng một giờ đầu sau sinh, nghỉ thai sản đủ 6 tháng sau sinh và có sự hỗ trợ của người chồng có tỷ lệ cho con bú mẹ hoàn toàn (BMHT) đến 6 tháng (là 60,8%, 60,1%, 61,1% và 62,9%) cao hơn so với các nhóm tương ứng còn lại (48,1%; 42,4%; 35,0% và 50,0%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với OR lần lượt là 1,7; 2,0; 2,9 và 1,7 với $p < 0,05$.

Kết luận: Kiến thức của bà mẹ về việc nuôi con bằng sữa mẹ có liên quan đến thực hành của bà mẹ cho trẻ BSMHT trong 6 tháng đầu với một số yếu tố ảnh hưởng như điều kiện kinh tế - xã hội và sự quan tâm của người thân.

Từ khóa: Nuôi con bằng sữa mẹ, thực hành nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ, bà mẹ sau sinh.

*Tác giả liên hệ

Email: mph2131026@studenthuph.edu.vn

Điện thoại: (+84) 982 127 527

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i1.910>



1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nuôi con bằng sữa mẹ (NCBSM) bảo vệ trẻ nhỏ khỏi nhiều bệnh tật như: giảm nguy cơ mắc và tính nghiêm trọng của các bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn, ngăn ngừa sâu răng, đồng thời đạt được sự phát triển nhận thức tối ưu (1-2). Cho trẻ BMHT trong 6 tháng đầu cũng mang lại nhiều lợi ích cho bà mẹ như giúp trở lại cân nặng hợp lý nhanh hơn và giảm nguy cơ ung thư buồng trứng, ung thư vú, bệnh trầm cảm sau sinh và tiểu đường type 2 (3,4). Tỷ lệ nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ ở mức thấp có thể khiến nền kinh tế toàn cầu thiệt hại gần 1 tỷ USD mỗi ngày [1]. Việt Nam chỉ có 10% bà mẹ cho trẻ BSMHT trong sáu tháng đầu. Tỷ lệ này khá thấp so với các nước trong khu vực châu Á. Thực trạng này đòi hỏi ngành y tế và cộng đồng cần có những hành động cấp thiết [2] và nghiên cứu thực trạng và yếu tố ảnh hưởng đến BSMHT là cần thiết.

Mục tiêu nghiên cứu:

1. Mô tả kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ và thực hành cho trẻ bú hoàn toàn trong 6 tháng đầu của bà mẹ sinh con tại bệnh viện Phụ sản - Nhi, Đà Nẵng năm 2023
2. Phân tích một số yếu tố liên quan đến thực hành nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu của các bà mẹ sinh con tại bệnh viện trên năm 2023.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

230 bà mẹ có con nhỏ trên 6 tháng tuổi sinh con tại bệnh viện Bệnh viện Phụ sản – Nhi, thành phố Đà Nẵng thỏa mãn các tiêu chuẩn. Thời gian nghiên cứu từ tháng 8 đến tháng 10/2022. Bà mẹ từ đủ 18 tuổi trở lên và có khả năng giao tiếp và tự nguyện tham gia.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích

Mẫu nghiên cứu và phương pháp chọn mẫu:

Áp dụng tính mẫu mô tả cho một tỷ lệ của một quần thể trong nghiên cứu mô tả cắt ngang:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: $Z^2_{(1-\alpha/2)}$: hệ số tin cậy = 1,96; p = 0,342 theo tác giả Lê Thị Hương, tỷ lệ BMHT trong 6 tháng đầu là 34,2% (7); d: sai số 7%. Thay vào ta có n = 177, dự

phòng 30% (đối tượng từ chối, không gặp được) thì chọn cỡ mẫu là 230 người.

Lấy mẫu hệ thống 230 bà mẹ.

Biến số/chỉ số/ nội dung/chủ đề nghiên cứu

Các biến số nghiên cứu: Thông tin chung của đối tượng NC: Tuổi, dân tộc, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, cách thức sinh, tình trạng hôn nhân, số lần sinh con, bệnh lý/tình trạng sức khỏe. **Con:** Giới tính, cân nặng của trẻ, bệnh lý/ tình trạng cân nặng của trẻ

Các nhóm biến số: Kiến thức và thực hành NCBSM, các yếu tố hỗ trợ liên quan đến chính sách, gia đình và cộng đồng. Gồm các nhóm biến số chính sau đây:

Nhóm biến số về kiến thức NCBSM

Lợi ích của NCBSM đối với trẻ, và NCBSM, thời gian cho trẻ bú mẹ lần đầu sau sinh thời gian cho trẻ bú mẹ hoàn toàn theo khuyến cáo (số tháng); cách cho trẻ bú đúng (1 bên hay 2 bên/ mỗi cỡ bú), số lần cho trẻ bú trong một ngày.

Nhóm biến số về thực hành NCBSM: Thời gian trẻ được nằm da kề da sau sinh, khi nào trẻ bú mẹ lần đầu sau sinh; trẻ BMHT trong bao lâu (tháng)?; tần suất cho trẻ bú mẹ (lần/ ngày), có vắt sữa cho trẻ bú khi đi làm không.

Nhóm biến số về dịch vụ y tế: Tư vấn trước sinh, trong sinh và thời điểm ra viện; hỗ trợ cho con bú ngay sau sinh; nơi sinh trẻ.

Nhóm biến số về gia đình: Hỗ trợ từ chồng và gia đình (chồng, mẹ ruột, mẹ chồng); mức sống gia đình

Nhóm biến số về xã hội: Chính sách về thai sản; Hỗ trợ từ cộng đồng; Nguồn cung cấp thông tin.

Tiêu chuẩn đánh giá: Phần câu hỏi đánh giá kiến thức về NCBSM gồm 9 câu, trong đó có các câu hỏi có một lựa chọn và nhiều lựa chọn. Chúng tôi đánh giá kiến thức và thực hành về NCBSM dựa trên một số nghiên cứu trước đây và dựa vào tiêu chí đánh giá theo hướng dẫn của chuẩn quốc gia 2016 [9], Nuôi dưỡng trẻ nhỏ [8] và tham khảo nghiên cứu của Trần Thị Hằng [7]. Tiêu chuẩn đánh giá như sau:

Phần đánh giá kiến thức về NCBSM trong 6 tháng đầu gồm có 9 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, câu 1 và câu 2: mỗi ý trả lời đúng là 1 điểm, tổng điểm 2 câu là 12 điểm. Tổng điểm phần kiến thức là 19 điểm. Đánh giá kiến thức Đạt, nếu tổng điểm là ≥ 10 điểm. Chưa đạt < 10 điểm (nghiên cứu tham khảo dựa theo nghiên cứu

của tác giả Trần Thị Hằng (34). Thực hành NCBSMHT được đánh giá bằng 2 chỉ số: tỷ lệ và thực hành đạt về NCBSMHT

Tỷ lệ trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu = Số trẻ được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu/ Tổng số trẻ bú mẹ 6 tháng điều tra x 100%. Số trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu được xác định bằng cách hỏi về thực hành cho trẻ ăn/uống của trẻ trong 6 tháng đầu và kiểm tra lại thông tin bằng câu hỏi về thức ăn cho trẻ 24 giờ qua.

Thu thập, xử lý số liệu: Số liệu được nhập vào file Excel và chuyển vào phân tích trên phần mềm Epi Info phiên bản 3.5.1 của CDC Hoa Kỳ [5].

Các thông tin cá nhân của bà mẹ và trẻ :sử dụng phương pháp thống kê mô tả. Các yếu tố liên quan sẽ được phân

tích bằng test thống kê phân tích, sử dụng kiểm định khi bình phương (χ^2) và tỷ suất chênh (OR) với $p < 0,05$.

Trong đó biến phụ thuộc là các biến số thực hành đúng về NCBSM, biến độc lập là các biến số về tuổi, trình độ văn hóa, số con, kiến thức, sự hỗ trợ của nhân viên y tế, ...

Đạo đức NC: Nghiên cứu tiến hành thu thập số liệu sau khi đề cương đã được Hội đồng đạo đức trong NCYHS Trường Đại học Y tế công cộng thông qua theo Quyết định chấp thuận số: 463/2022/YTCC-HD3 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của NCYSH.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm bà mẹ tham gia nghiên cứu

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của bà mẹ (n=230)

Đặc điểm		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	Dưới 26	37	16,1
	Từ 26 đến ≤ 35	144	62,6
	Trên 35	49	21,3
Trình độ văn hóa	Trung học cơ sở	13	5,7
	Trung học phổ thông	97	42,2
	Trung cấp, cao đẳng	53	23,0
	Đại học, sau đại học	67	29,1
Nghề nghiệp	Buôn bán	28	12,2
	Công nhân	43	18,7
	Công chức viên chức	64	27,8
	Dịch vụ	15	6,5
	Nội trợ	72	31,3
	Nhân viên y tế	8	3,5
Dân tộc	Kinh	227	98,7
	Cơ tu	03	1,3
Cách thức sinh	Sinh thường	80	34,8
	Sinh mổ	150	65,2
Số lần sinh con (kể cả lần này)	Lần đầu	80	34,8
	Lần thứ hai	86	37,4
	Lần thứ ba trở lên	64	27,8



3.2. Đặc điểm của trẻ

Bảng 3.2. Đặc điểm chung của trẻ (n=230)

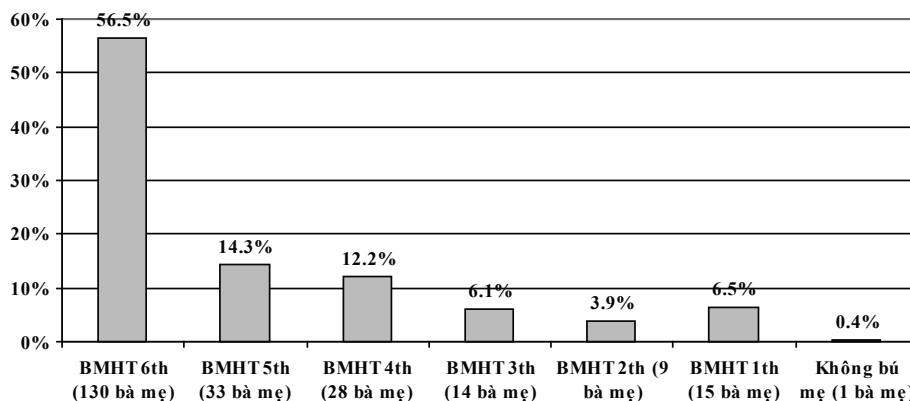
Đặc điểm		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Cân nặng	< 2500 gr	18	7,8
	≥ 2500 gr	212	92,2
Giới tính	Trai	116	50,4
	Gái	114	49,6
Cách thức đẻ	Đẻ non	29	12,6
	Đẻ đủ tháng	201	87,4
Bú mẹ sớm	< 60 phút	191	83,0
	≥ 60 phút	39	17,0

Kết quả bảng trên cho thấy có 18 trẻ (7,8%) có cân nặng lúc sinh < 2500 gram. Tỷ lệ trẻ trai và trẻ gái cũng tương đương nhau 50,4% và 49,6%. Trẻ sinh non tháng (dưới 37 tuần), chiếm 12,6% và 87,4% là trẻ đủ tháng (trên 37 tuần). Thời gian bà mẹ cho trẻ bú sữa mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh là 191 bà mẹ chiếm tỷ lệ 83,0%.

3.3. Kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh: 153 bà mẹ đạt chiếm 66,5%; 77 bà mẹ chưa đạt về kiến thức chiếm 33,5%. Kiến thức về Nuôi con bằng sữa mẹ theo điểm đạt: kết quả xếp loại tổng điểm kiến thức chung về NCBSM.

3.4. Thực hành cho trẻ bú mẹ hoàn toàn (BMHT) trong 6 tháng đầu sau sinh

Biểu đồ 1. Thực hành cho trẻ bú mẹ hoàn toàn (từ 1-6 tháng)



Kết quả cho thấy tỷ lệ bà mẹ có thực hành cho trẻ bú mẹ hoàn toàn tại thời điểm 1, 2, 3, 4 và 5 tháng theo thứ tự là: 6,9%, 3,9%, 6,1%, 12,2% và 14,3%.

trẻ bú hoàn toàn tại thời điểm 1, 2, 3, 4 và 5 tháng theo thứ tự là: 6,9%, 3,9%, 6,1%, 12,2% và 14,3%.

Bảng 3.3. Mối liên quan giữa sự hỗ trợ từ phía chính sách, gia đình và cộng đồng cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu (n=230)

Đặc điểm		Cho trẻ BMHT trong 6 tháng đầu		Không cho trẻ BMHT trong 6 tháng đầu		OR (95%CI)	p-value
		SL	%	SL	%		
Nghỉ thai sản sau sinh	Đủ 6 tháng	116	61,1	74	38,9	2,9 (1,4-5,9)	0,003
	Không đủ	14	35,0	26	65,0		
Được hỗ trợ từ chồng	Có	73	62,9	43	37,1	1,7 (1,0 - 2,9)	0,032
	Không	57	50,0	57	50,0		

Bảng 3.3 cho thấy: Có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa nghỉ thai sản sau sinh và cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu (OR=2,9; 95%CI: 1,4-5,9 và p < 0,01) và sự hỗ trợ từ người chồng có liên quan với việc cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu (OR= 1,7; 95%CI: 1,0 - 2,9 và p < 0,05).

Bảng 3.4. Liên quan giữa kiến thức và cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu (n=230)

Kiến thức	Cho trẻ BMHT trong 6 tháng đầu		Không cho trẻ BMHT trong 6 tháng đầu		OR (95%CI)	p-value
	SL	%	SL	%		
Kiến thức đạt	93	60,8	60	39,2	1,7 (1,0-2,9)	0,04
Kiến thức chưa đạt	37	48,1	40	51,9		

Bảng 3.4 phân tích mối liên quan giữa kiến thức chung về NCBSM với thực hành cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu của bà mẹ cho thấy những bà mẹ có kiến thức đạt có tỷ lệ cho trẻ bú mẹ hoàn toàn là 60,8% và cao gấp 1,5 lần so với những bà mẹ có kiến thức chưa đạt là 48,1%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với OR = 1,68 (95% CI: 0,96-2,91) và p < 0,05.

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu trên tổng số 230 bà mẹ sau sinh cho ta thấy có 62,6% bà mẹ nằm trong độ tuổi trung bình từ 26 - 35 tuổi, nhóm bà mẹ dưới 26 tuổi chỉ chiếm 16,1% và nhóm trên 35 tuổi chiếm 21,3%. Đa số bà mẹ là dân tộc Kinh, chiếm 98,7%, còn lại là dân tộc Cơ tu chiếm 1,3%. Về nghề nghiệp của các bà mẹ tham gia nghiên cứu, đa số các bà mẹ có nghề nghiệp là nội trợ, chiếm 31,3%. Về trình độ, phần lớn là các bà mẹ có trình độ trung học phổ thông, chiếm tỷ lệ 42,2%, Tỷ lệ bà mẹ có trình độ trung học phổ thông chiếm cao nhất

so với nghiên cứu của Phạm Thị Diễm My năm 2017 tại Cần Thơ cũng tương đương 41,0% [4]. Đây cũng là một điều kiện tốt để các bà mẹ có thể tiếp thu tốt khi triển khai các hoạt động tư vấn, nâng cao kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ tiếp thu một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.

4.2. Kiến thức về NCBSM của các bà mẹ sau sinh tại bệnh viện

Bà mẹ có kiến thức chung đúng về NCBSM đạt tỷ lệ khá cao ở mức 66,5%. Trong đó bà mẹ hiểu đúng về khái niệm về BMHT là cao nhất, chiếm 93,0%; tiếp đến là tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về cho trẻ bú mẹ lần đầu tiên sau khi sinh (83,0%) và tỷ lệ bà mẹ biết về thời gian cho trẻ BMHT là 6 tháng đầu chiếm tỷ lệ 66,1%.

Trẻ được bú mẹ càng sớm càng tốt không những tốt cho trẻ mà còn giúp cho mẹ go hồi tử cung, giảm mất máu sau sinh tỷ lệ này chiếm 16,8%. Tỷ lệ cho trẻ bú sớm trong vòng một giờ sau sinh đạt cao (83,2%), đây là một dấu hiệu đáng mừng, vì các bà mẹ thường lo lắng sau khi sinh không được gần con sớm trong giờ đầu sau sinh, nhất là những bà mẹ sinh mổ.

Việc tìm hiểu kiến thức khái niệm về nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn ở các bà mẹ thì đa số các bà mẹ hiểu đúng thế nào là cho trẻ bú mẹ hoàn toàn, tỷ lệ này chiếm khá cao 93,0%. Các bà mẹ hiểu đúng cho trẻ bú mẹ hoàn toàn là chỉ cho trẻ bú sữa mẹ mà không cho trẻ ăn hoặc uống thêm bất cứ một loại thức ăn nào khác kể cả nước, trừ khi có chỉ định của Thầy thuốc. Tỷ lệ này cao hơn các nghiên cứu trước đây như nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Tâm, Văn Hiến Tài năm 2012 là 83% [6], tác giả Huỳnh Văn Nền năm 2011 là 70,5% và nghiên cứu của tác giả Lê thị Hương và các Cộng sự năm 2018 là 66,2% [3].

4.3. Thực hành cho trẻ BMHT của các bà mẹ trong 6 tháng đầu và một số yếu tố liên quan.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, từ biểu đồ 3.1. có 56,5% là tỷ lệ bà mẹ thực hành đúng về cho trẻ BMHT trong 6 tháng đầu. Một nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Thanh Trường, Nguyễn Trọng Hưng và Nguyễn Thanh Hà năm 2019, tỷ lệ cho trẻ BMHT là 26,6% cũng thấp hơn một nửa và nghiên cứu gần đây của tác giả Trần Thị Hằng, Lê Thị Vui về kiến thức, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn và một số yếu tố liên quan của các bà mẹ có con 7 đến 12 tháng tại thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai năm 2022, kết quả nghiên cứu về tỷ lệ cho trẻ BMHT trong 6 tháng đầu chỉ đạt 16,7%. Như vậy tỷ lệ này trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nhiều so với các tỉnh khác. Điều này chứng minh được rằng, Bệnh viện Phụ sản Nhi Đà Nẵng thực hiện tốt việc này từ các kênh truyền thông, tổ chức giám sát đánh giá định kỳ trong từng năm, tổ chức các Hội nghị nói chuyện chuyên đề về NCBSMHT cho tất cả các đối tượng trong độ tuổi sinh đẻ, nắm vững kiến thức về cho trẻ bú sữa mẹ thì thực hành của các bà mẹ sẽ tốt hơn hẳn và điều này khẳng định được rằng: Bệnh viện Phụ sản Nhi đã được Công nhận danh hiệu: “Bệnh viện thực hành nuôi con bằng sữa mẹ xuất sắc” từ năm 2019.

Trong nghiên cứu này, tỷ lệ bà mẹ cho trẻ bú sớm trong vòng một giờ đầu sau sinh đạt 83,2% và bú mẹ > 1 giờ đầu chiếm 16,8%. Qua đây ta cũng nhận thấy tỷ lệ này đạt khá cao, các bà mẹ đều hiểu được lợi ích của việc cho trẻ bú sớm trong vòng một giờ đầu sau sinh, giúp go hồi tử cung, phòng ngừa mất máu sau sinh. Hầu hết các bà mẹ được thực hiện da kề da ngay sau khi sinh. Tỷ lệ này chiếm khá cao 95,2%. Chỉ có 82 bà mẹ chiếm 35,7% thực hành đúng da kề da là thời gian từ khi sinh ra đến 90 phút sau sinh. Tỷ lệ bà mẹ chưa thực hành đúng da kề da chiếm cao hơn là 42,6% và còn lại là 50

bà mẹ không nhớ thời gian thực hiện đặt bé trên ngực mẹ là bao nhiêu.

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê của kiến thức đạt của bà mẹ, cho trẻ bú sớm trong vòng một giờ sau sinh, thời gian nghỉ thai sản sau sinh đủ 6 tháng và sự hỗ trợ từ người chồng có liên quan đến việc cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu.

Trên thế giới, mục tiêu WHO đặt ra trên toàn cầu tỷ lệ NCBSMHT là 50% vào năm 2025 và gần đây mục tiêu này đã được cập nhật lên ít nhất 70% vào năm 2030. Điều đó có nghĩa là mọi thành viên quốc gia dự kiến sẽ đạt được tỷ lệ NCBSMHT ít nhất là 70% trước cuối năm 2030.

5. KẾT LUẬN

Kết quả cho thấy tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về nuôi con bằng sữa mẹ là 66,5%. Tỷ lệ bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là 56,5%. Trong số bà mẹ này, có 70% đạt các tiêu chí về thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn.

Những bà mẹ có kiến thức đạt về NCBSM, cho trẻ bú sớm trong vòng một giờ đầu sau sinh, nghỉ thai sản đủ 6 tháng sau sinh và có sự hỗ trợ của người chồng có tỷ lệ cho con BMHT đến 6 tháng (là 60,8%, 60,1%, 61,1% và 62,9%) cao hơn so với các nhóm tương ứng còn lại (48,1%; 42,4%; 35,0% và 50,0%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với OR lần lượt là 1,7; 2,0; 2,9 và 1,7 với $p < 0,05$.

Khuyến nghị: Tiếp tục duy trì và tăng cường hơn hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe (IEC) và hỗ trợ nâng cao kiến thức về NCBSM cho các bà mẹ trong độ tuổi sinh đẻ, đang mang thai và đang trong thời kỳ cho trẻ bú mẹ. Cần tăng cường trong việc hướng dẫn, hỗ trợ cho các bà mẹ cho trẻ bú sớm ngay sau sinh, hỗ trợ tư vấn lợi ích NCBSM trước, trong và sau khi ra viện.

Cần quan tâm đến kiến thức về NCBSM, thời gian nghỉ thai sản sau sinh 6 tháng, cho trẻ bú mẹ sớm trong vòng một giờ sau sinh và sự hỗ trợ từ người chồng với việc cho trẻ BMHT trong 6 tháng đầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thế giới có thể tiết kiệm 1 tỷ USD/ngày nếu nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ - Chương trình mục

- tiêu quốc gia - Cổng thông tin Bộ Y tế [Internet]. [cited 13 tháng chạp 2022].
- [2] Báo Nhân Dân điện tử [Internet]. 2010 [cited 3 tháng tám 2023]. Nuôi con bằng sữa mẹ: Nông thôn cao hơn thành thị. Available at: <https://nhandan.vn/post-497568.html>.
- [3] Lê Thị Hương, Hoàng Thị Kim Thanh, Nguyễn Minh Trang & cs, Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ có con dưới 24 tháng của huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình năm 2018, Tạp chí Y học dự phòng, 30(7), 2020, 126-32.
- [4] Phạm Thị Diễm My, Khảo sát kiến thức và một số yếu tố liên quan về nuôi con bằng sữa mẹ của bà mẹ sau sinh tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ năm 2017, Tiểu luận tốt nghiệp ĐH chuyên ngành điều dưỡng, Trường ĐH Tây Đô.
- [5] Epi Info™ | CDC [Internet]. 2022 [cited 16 tháng chín 2022]. Available at: <https://www.cdc.gov/epiinfo/index.html>.
- [6] Văn Hiến Tài, Nghiên cứu tình hình nuôi con bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu của các bà mẹ có con từ 6-24 tháng tuổi và một số yếu tố liên quan tại huyện Phú Tân, tỉnh An Giang năm 2012, Luận văn chuyên khoa cấp I, Trường ĐHY Dược Cần Thơ.
- [7] Nuôi dưỡng trẻ nhỏ, Tài liệu dùng cho cán bộ Y tế công tác trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em tại các tuyến -[cited 25 tháng chín 2022]. Available at: <https://www.google.com/>.
- [8] Trần Thị Hằng, Lê Thị Vui, Kiến thức, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn và một số yếu tố liên quan của các bà mẹ có con 7 - 12 tháng tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai năm 2022, Tạp chí Y học dự phòng, 32(8), 2022, 43-51.
- [9] Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản 2022. [cited 25 tháng bảy 2023]. Available at: <https://www.google.com>.

